

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thúy N**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Ông **Phan Tuấn K**, sinh năm: 1975

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Đặng Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Phan Tuấn K vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2021, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thúy N trình bày:

Bà và ông Phan Tuấn K bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2002, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống bình thường. Đến năm 2004 thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn do ông K ăn chơi, cờ bạc ngày đêm, không chí thú làm ăn để chăm lo xây dựng gia đình. Bà N đã khuyên can hết lời nhưng ông K vẫn chứng nào tật đó vẫn không sửa đổi thậm chí đất đai cha mẹ cho cũng lần lượt bán hết, gây nợ nần. Do đó, bà N không thể nào chấp nhận tiếp tục chung sống với ông K, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Tuấn K.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Phan Bảo C, sinh ngày 10/3/2004. Khi ly hôn, bà đồng ý giao trẻ Phan Bảo C cho ông Phan Tuấn K chăm sóc, nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phan Tuấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thúy N; Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Thúy N khởi kiện xin ly hôn với ông Phan Tuấn K, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phan Tuấn K có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Đặng Thúy N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phan Tuấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông K theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thúy N và ông Phan Tuấn K có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 02/8/2006. Căn cứ Điều 8 và

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thúy N và ông Phan Tuấn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Ông Phan Tuấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông K đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên ông K phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào đơn xin ly hôn, bản tự khai của bà N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thúy N: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thúy N xác nhận thời gian đầu vợ chồng bà chung sống bình thường. Đến năm 2004 thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K ăn chơi, cờ bạc ngày đêm, không chí thú làm ăn để chăm lo xây dựng gia đình. Bà N đã khuyên can hết lời nhưng ông K vẫn chứng nào tật đó, không sửa đổi thậm chí đất đai cha mẹ cho cũng lần lượt bán hết, gây nợ nần. Do đó, bà không thể nào chấp nhận tiếp tục chung sống với ông K, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Tuấn K.

[6] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại Công văn số 2448/UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung như sau: “... *hiện tại giữa bà Đặng Thúy N với ông Phan Tuấn K không còn chung sống với nhau và đã ly thân vào tháng 01 năm 2011. Trong quá trình chung sống tại địa phương, giữa bà Đặng Thúy N với ông Phan Tuấn K không phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân*”.

[7] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

[8] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

[9] Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù tại địa phương chưa hòa giải mâu thuẫn về hôn nhân cho bà N và ông K nhưng bà N và ông K đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2011. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà N cũng thừa nhận bà không thể tiếp tục chung sống với ông K, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham dự các phiên hòa giải và các phiên tòa nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cũng chứng tỏ ông K không có thiện

chỉ để Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Từ những cơ sở trên cho thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà N và ông K đã không còn, hai bên không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của bà N và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không còn ý nghĩa gì nữa. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn với ông K là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về con chung: Bà N xác nhận trong quá trình chung sống, bà và ông K có 01 con chung là trẻ Phan Bảo C, sinh ngày 10/3/2004. Khi ly hôn, bà đồng ý giao trẻ Phan Bảo C cho ông Phan Tuấn K chăm sóc, nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

[11] Tại thời điểm xét xử, trẻ Phan Bảo C đã thành niên do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với yêu cầu về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[12] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[13] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đặng Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thúy N về việc yêu cầu ly hôn với ông Phan Tuấn K.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thúy N được ly hôn với ông Phan Tuấn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyền số 01, đăng ký ngày 02/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Đặng Thúy N và ông Phan Tuấn K có 01 (một) con chung là trẻ Phan Bảo C, sinh ngày 10/3/2004. Con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bà Đặng Thúy N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Đặng Thúy N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thúy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0081048 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thúy N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thúy N và ông Phan Tuấn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án. (14)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Tuyền

